

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2018.

V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Trần Văn Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1973.

2. *Bị đơn:* Bà Mai Thị T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Mạnh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà Mai Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/12/1996 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì phát sinh. Năm 2012 do làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên bà T bỏ đi khỏi địa phương, không để lại địa chỉ liên lạc, cũng như cắt đứt mọi liên lạc với gia đình. Đến đầu năm 2014 bà T có liên hệ với chồng và các con vài lần bằng điện thoại di động, sau đó gia đình mất liên lạc hoàn toàn với bà T. Đến nay ông H và các con cũng như hai bên gia đình nội ngoại không liên lạc được với bà T, không biết hiện nay bà T đang làm gì, ở đâu. Vào tháng 11/2017, ông H làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tuyên bố bà Mai Thị T mất tích. Tại Quyết định số 02/2018/QĐVDS-ST ngày 23/4/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã quyết định tuyên bố bà Mai Thị T mất tích theo quy định của pháp luật. Nay ông H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được, bà T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung là Lê Minh H1, sinh ngày 09/3/1998 và Lê Mạnh D, sinh ngày 10/4/2001. Ly hôn, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Mai Thị T do đã bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố mất tích nên không triệu tập bà T tham gia tố tụng được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố mất tích nên không tham gia tố tụng được.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Mạnh H, ông H được ly hôn bà Mai Thị T.

Về con chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Mạnh H và bà Mai Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/12/1996. Theo ông H trình bày cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Do bà T làm ăn thua lỗ, dẫn đến nợ nần nhiều người nên vào năm 2012 bà T đã bỏ đi khỏi địa phương, ông và các con cũng như hai bên gia đình nội ngoại không biết được hiện nay bà T đang làm gì, ở đâu. Qua thời gian dài tìm kiếm nhưng không được nên ông H đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T mất tích và được Tòa án giải quyết. Nay ông H xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T. Xét yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ, bà T đã bỏ nhà đi từ năm 2012, ông H và các con không liên lạc được với bà T, không biết hiện nay bà T đang làm gì, ở đâu. Tòa án có thẩm quyền đã tuyên bố bà T mất tích vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông H được ly hôn bà T là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Lê Mạnh H và bà Mai Thị T có 02 con chung là Lê Minh H1, sinh ngày 09/3/1998 và Lê Mạnh D, sinh ngày 10/4/2001. Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung và công nợ: Ông Lê Mạnh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông Lê Mạnh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0004910 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp với khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Mạnh H. Ông H được ly hôn với bà Mai Thị T.

[2]. Về con chung: Ông Lê Mạnh H và bà Mai Thị T có 02 con chung là Lê Minh H1, sinh ngày 09/3/1998 và Lê Mạnh D, sinh ngày 10/4/2001. Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản và công nợ chung: Ông Lê Mạnh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Ông Lê Mạnh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0004910 ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS h. Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái